

Số: 480/QĐ-CDXD1

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

Căn cứ Quyết định số 128/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 1;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-CDXD1 ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1.

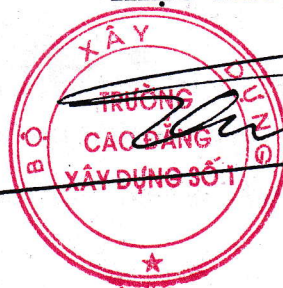
Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc Trường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (VPĐT);
- Lưu VT; QLĐT;
- QLĐT1 (3).

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Ngọc Thúc

QUY ĐỊNH

Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-CDXD1 ngày 06/10/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Xây dựng số 1)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hóa quy định việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Văn bản này áp dụng cho đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, bao gồm đào tạo tập trung dài hạn, đào tạo liên thông và văn bằng 2.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, cụm từ viết tắt

Trong phạm vi văn bản này, các từ ngữ và cụm từ viết tắt được sử dụng như sau:

1. Từ ngữ:
 - a) Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của Nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.
 - b) Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường Internet để thay thế việc dạy trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của Nhà trường.
 - c) Trường: Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, trong một số ngữ cảnh cụ thể được hiểu là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng.
 - d) Khoa/trung tâm: Các khoa hoặc trung tâm phụ trách giảng dạy môn học liên quan, trong một số ngữ cảnh cụ thể được hiểu là ban lãnh đạo khoa.
 - đ) Bộ môn: Bộ môn phụ trách giảng dạy môn học liên quan, trong một số ngữ cảnh cụ thể được hiểu là ban lãnh đạo bộ môn.

2. Một số cụm từ viết tắt

- Bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- ĐTBCHK: Điểm trung bình chung học kỳ
- ĐTBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy
- ĐTKMH: Điểm tổng kết môn học
- QLĐT: Quản lý đào tạo

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập. Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chương trình được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

Điều 4. Môn học và mô-đun hoặc tín chỉ

1. Môn học là khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập; mô-đun là khối lượng kiến thức mà người học tích lũy được để hoàn thành một kỹ năng. Phần lớn mô-đun, môn học có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi mô-đun, môn học phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế. Từng mô-đun, môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng của Trường.

2. Có hai loại môn học, mô-đun: Bắt buộc và tự chọn.

a) Mô-đun, môn học bắt buộc chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc người học phải tích lũy;

b) Mô-đun, môn học tự chọn chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng người học được lựa chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được chọn tùy ý để tích lũy đủ số mô-đun, môn học quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Số tiết, số giờ đối với từng mô-đun, môn học cụ thể phải được ghi trong chương trình đào tạo, chương trình mô-đun, môn học.

4. Một tiết học lý thuyết được tính bằng 45 phút, một tiết học thực hành hoặc tích

hợp được tính bằng 60 phút.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các mô-đun, môn học mà người học đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các mô-đun, môn học mà người học đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng mô-đun, môn học.
3. Tổng số tín chỉ của những mô-đun, môn học chưa đạt yêu cầu tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy của các mô-đun, môn học tính từ đầu khóa học là điểm trung bình có trọng số của các mô-đun, môn học tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 6. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của Trường để bảo đảm công tác quản lý và tư vấn cho tất cả người học trong Trường.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo là thời gian để người học hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể và đủ điều kiện nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó, cụ thể:

a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ theo quy định cho từng chương trình đào tạo;

b) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ cho từng chương trình đào tạo đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc hoặc tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

2. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình

a) Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các mô-đun, môn học và thời gian bảo vệ đồ án/khóa luận tốt nghiệp, đảm bảo không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá 02 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều 17 của Quy định này;

b) Thời gian tối đa đối với người học cùng lúc hai chương trình bằng thời gian tối đa để hoàn thành chương trình có thời gian đào tạo dài hơn và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất;

c) Trường có thể xem xét, quyết định kéo dài thời gian đào tạo tối đa đối với người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

3. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để người học hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học tại Trường được thiết kế như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện 2,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 1,0 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo và đã hoàn thành các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định hiện hành;

- Đào tạo trình độ trung cấp được thực hiện 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ có 15 tuần thực học, 4 tuần thi lần 1, 3 tuần thi lại và dự trữ. Tùy điều kiện cụ thể Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ (hè) để tạo điều kiện cho người học được học lại, học bù hoặc học vượt. Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

4. Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập

a) Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập của Trường được thực hiện trong khoảng thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả thứ bảy và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện. Phòng QLĐT sắp xếp thời khóa biểu cho toàn Trường căn cứ vào số lượng người học, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường.

b) Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của Trường, nhưng phải được Hiệu trưởng quyết định.

c) Thời gian giảng dạy, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được thực hiện theo thỏa thuận giữa Trường và doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quy định của pháp luật về thời gian làm việc.

5. Thời gian học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục trung học phổ thông theo hình thức giáo dục thường xuyên không tính vào thời gian đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 8. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc tại địa điểm liên kết đào tạo của Trường theo quy định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016, Nghị định

140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện linh hoạt về địa điểm do Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện thực tế quyết định và phải đáp ứng các điều kiện cho việc đào tạo để đảm bảo chất lượng theo quy định.

Điều 9. Kế hoạch đào tạo

1. Căn cứ vào khối lượng học tập của chương trình đào tạo, Trường phê duyệt kế hoạch phân bố số môn học, mô-đun cho từng học kỳ, năm học.

2. Trước khi bắt đầu khóa học, Trường công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện: Thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình; thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ đồ án/khóa luận tốt nghiệp (nếu có); thời gian thi hết môn học, mô-đun; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và các nội dung khác.

3. Trường hợp đào tạo trực tuyến thì kế hoạch đào tạo được quy định cụ thể các nội dung, môn học, mô-đun đào tạo bằng hình thức trực tuyến trong chương trình đào tạo.

Điều 10. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học người học phải nộp các giấy tờ theo khoản 2 Điều 4 Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 466/QĐ-CĐXD1 ngày 18/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1. Giấy tờ nhập học phải được quản lý tại phòng QLĐT hoặc được số hóa để quản lý bằng các phần mềm quản lý đào tạo (nếu có).

2. Người học được tổ chức thành các lớp học theo chương trình đào tạo và ngành, nghề đào tạo cụ thể, phù hợp với từng hình thức tổ chức đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

3. Người học được cấp thẻ học sinh, sinh viên để thuận tiện cho quản lý, theo dõi trong quá trình đào tạo.

4. Người học sau khi nhập học được Trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 11. Sắp xếp người học vào học chương trình của ngành, nghề đào tạo

1. Trường xác định điểm trúng tuyển theo ngành, nghề đào tạo trong từng đợt tuyển sinh.

2. Căn cứ vào số môn học, mô-đun bắt buộc có trong mỗi chương trình, phòng

QLĐT sắp xếp người học trúng tuyển vào các lớp học ổn định và phân công cho người học cán bộ cố vấn học tập.

Điều 12. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo nhóm các môn học, mô-đun bắt buộc của từng chương trình ở mỗi học kỳ.

- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng môn học, mô-đun không phải bắt buộc hoặc môn học, mô-đun bắt buộc dựa vào số lượng đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Số lượng người học cho mỗi lớp học độc lập được quy định như sau: sĩ số từ 35 đến 60 đối với các môn học lý thuyết; sĩ số 18 đối với những môn học, mô-đun thực hành, thực tập, thí nghiệm. Nếu số lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang những môn học, mô-đun khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ; một số trường hợp đặc biệt được Hiệu trưởng quyết định.

Điều 13. Đăng ký khối lượng học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất hai tuần Trường công bố thời khoá biểu của các lớp học ổn định theo nhóm môn học, mô-đun bắt buộc; lịch thi kết thúc môn học, mô-đun.

Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, người học bắt buộc phải tham dự đầy đủ các môn học, mô-đun ở lớp học ổn định của mình. Ngoài ra, căn cứ vào thời khoá biểu, tiến trình đào tạo, người học có thể đăng ký học bổ sung các môn học, mô-đun không phải bắt buộc, cũng như các môn học, mô-đun bắt buộc khác (học sớm hoặc học lại) với phòng QLĐT để bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu như quy định tại khoản 2 của Điều này.

Có 3 hình thức đăng ký các môn học, mô-đun sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho người học muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang môn học, mô-đun khác khi không có lớp.

2. Khối lượng học tập đăng ký trong mỗi học kỳ để bảo đảm duy trì đúng tiến độ của khóa học được quy định như sau:

a) Số tín chỉ đăng ký tối thiểu không nhỏ hơn $\frac{2}{3}$ tổng số tín chỉ một học kỳ theo

kế hoạch học tập;

b) Số tín chỉ đăng ký tối đa không quá $3/2$ tổng số tín chỉ một học kỳ theo kế hoạch học tập;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với người học ở học kỳ phụ.

4. Người học được quyền đăng ký học lại môn học, mô-đun có lần thi cuối đạt điểm D theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 26 của Quy định này để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

5. Việc đăng ký các môn học, mô-đun sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng môn học, mô-đun và tiến trình học tập của mỗi chương trình đào tạo.

6. Phòng QLĐT chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của người học ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của người học theo từng học kỳ được ghi vào biểu đăng ký học do phòng QLĐT lưu giữ.

Điều 14. Rút bớt môn học, mô-đun đã đăng ký

1. Việc rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện đến hết tuần thứ 03 kể từ đầu học kỳ chính, đến hết tuần thứ 01 kể từ đầu học kỳ phụ. Khối lượng sau khi rút bớt phải thỏa mãn khoản 2 Điều 13 của Quy định này. Ngoài khối lượng học tập đã được rút bớt, môn học, mô-đun vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu người học không đi học, Trường xem như người học tự ý bỏ học và phải nhận điểm F được quy định tại mục a khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

2. Điều kiện rút bớt các môn học, mô-đun đã đăng ký:

a) Người học phải có đơn đề nghị rút bớt các môn học, mô-đun đã đăng ký có xác nhận của cố vấn học tập gửi phòng QLĐT;

b) Không vi phạm khoản 2 Điều 13 của Quy định này;

c) Người học chỉ được phép bỏ lớp đối với các môn học, mô-đun đã đăng ký xin rút bớt khi được Trường chấp thuận.

Điều 15. Chuyển ngành, nghề đào tạo

1. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của Trường.

2. Người học chuyển ngành, nghề đào tạo phải được Trường quyết định và bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Người học có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo;

b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học;

c) Người học khi đã được chuyển đổi sang ngành, nghề đào tạo khác thì phải dừng học ngành, nghề đào tạo trước khi chuyển đổi;

d) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải thực hiện ngay trong học kỳ đầu tiên của chương trình;

đ) Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị Trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thời gian học tối đa để người học chuyển ngành, nghề đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành, nghề trước khi chuyển.

Điều 16. Học cùng lúc hai chương trình

1. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình

a) Người học có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình;

b) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình có thời gian thực hiện từ một đến hai năm học, đã học xong học kỳ thứ hai đối với chương trình có thời gian thực hiện trên hai năm học. Kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất đạt loại khá trở lên;

c) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người học thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.

3. Thời gian để người học hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

Điều 17. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập

1. Bảo lưu kết quả học tập là việc Trường giữ nguyên kết quả người học đã học và thi đạt yêu cầu đối với các môn học, mô-đun trong một khoảng thời gian nhất định khi người học được tạm dừng chương trình đào tạo. Kết quả học tập các môn học, mô-đun bảo lưu được tính khi xếp loại kết quả học tập và đánh giá xếp loại tốt nghiệp.

2. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế;

b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

c) Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ;

d) Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập;

đ) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Người học có nhu cầu được bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun theo kế hoạch đào tạo của Trường và phải hoàn thành môn học, mô-đun đó trong quy thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc các trường hợp sau:

a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học, mô-đun đó và có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám hoặc điều trị;

b) Có lý do khác không thể tham gia học môn học, mô-đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được Trường chấp thuận.

5. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

Điều 18. Công nhận và miễn trừ nội dung học tập

1. Công nhận kết quả học tập

a) Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác, trình độ đào tạo khác hoặc từ một trường khác trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp được xem xét công nhận trong chương trình đào tạo đang theo học không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến, cụ thể: Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học, đã thi kết thúc môn học, mô-đun đó trong chương trình khác và có nội dung, thời lượng phù hợp với môn học, mô-đun trong chương trình đang học; được miễn học một phần nội dung học tập trong môn học, mô-đun và phải tham gia thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học nội dung đó trong chương trình khác nhưng chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun hoặc thời lượng và nội dung môn học, môn học trước đây chưa phù hợp với thời lượng và nội dung của môn học, môn học trong chương trình đào tạo hiện hành. Việc xác định nội dung và thời lượng được miễn học do Trường quyết định;

b) Trường xem xét công nhận những nội dung kiến thức, kỹ năng người học đã có trên cơ sở so sánh, đối chiếu với những nội dung của chương trình đào tạo hiện hành;

c) Việc công nhận kết quả, nội dung học được thực hiện theo từng môn học, mô-đun hoặc cả chương trình đào tạo;

d) Trường công khai quy định việc công nhận kết quả và nội dung học tập trong chương trình đào tạo.

2. Người học được miễn trừ nội dung học tập không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Được miễn, giảm học môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

b) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

c) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Ngoại ngữ thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc đã có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ được quy định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên;

d) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin;

đ) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên;

e) Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm một số môn học, mô-đun hoặc miễn, giảm một số nội dung mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

Điều 19. Chuyển trường

1. Người học chuyển trường theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì việc chuyển trường được thực hiện theo quyết định của cơ quan ra quyết định cho người học chuyển trường đó. Việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của người học.

2. Người học chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Trong đó, Hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho người học chuyển đi học ở một trường khác khi người học đó bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Có đơn đề nghị chuyển trường;
- b) Không trong thời gian điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Không chuyển trường khi đang học học kỳ cuối cùng của khóa học;
- d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi.

3. Hiệu trưởng trường có người học xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, người học ở trường nơi chuyển đến.

4. Thời gian tối đa cho người học chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Điều. 20. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do nhà giáo giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do nhà giáo giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

d) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của chương trình môn học, mô-đun; bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm

tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại Trường, địa điểm đào tạo của Trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

b) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tối đa ba lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

c) Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

d) Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc;

đ) Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

e) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

g) Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến được quy định trong đề thi hoặc do Hiệu trưởng quyết định;

h) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; người dự thi phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, Đơn vị tổ chức thi quy định việc bố trí phòng thi và các nội dung liên quan khác;

i) Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Quy định này.

e) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô-đun.

3. Trường ban hành quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.

Điều 21. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

b) Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được Hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Sau khi học xong môn học, mô-đun, người học đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc môn học, mô-đun. Nếu người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất vì lý do chính đáng thì được bố trí tham dự ở lần thi tiếp theo. Người có điểm thi lần thứ nhất thuộc loại chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm hai lần nữa ở kỳ thi khác do Trường tổ chức;

b) Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng;

c) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần thi và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó và phải tham gia kỳ thi lại, số lần thi lại tối đa là hai lần.

Điều 22. Học lại và thi lại

1. Người học phải học lại và thi lại môn học, mô-đun nếu thuộc một trong các trường hợp:

a) Không đủ điều kiện dự thi;

b) Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định nhưng điểm thi chưa thuộc loại đạt;

c) Người học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ đăng ký học lại, thi lại để cải thiện điểm.

2. Người học phải học lại và thi lại không được bảo lưu điểm và thời gian học tập môn học, mô-đun của lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy định này.

3. Trường hợp không còn môn học, mô-đun do chương trình đào tạo thay đổi thì Trường quyết định chọn môn học, mô-đun khác phù hợp với mục tiêu của chương trình để thay thế.

Điều 23. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã quy định trong chương trình; được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của Trường; đối với hình thức thi trực tuyến hoặc bằng các phần mềm chuyên biệt, Trường quy định cụ thể về cách thức xây dựng hoặc lựa chọn đề thi;

b) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật do Hiệu trưởng quyết định.

2. Chấm thi

a) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 nhà giáo chấm, cho điểm độc lập và ký vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp điểm của người dự thi. Bài thi viết tự luận, trắc nghiệm phải được làm phách trước khi chấm; chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi theo quy định của Trường;

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các nhà giáo chấm thi; trường hợp điểm của các nhà giáo chấm thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải xem xét chấm lại; nếu chấm lại mà chưa thống nhất được điểm thì trường khoa/trung tâm hoặc trường bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến; bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên biệt và việc chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Trường về hình thức và quy trình tổ chức thực hiện.

3. Công bố điểm thi

a) Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm;

b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.

Điều 24. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi

1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai.

2. Trong quá trình thi, nếu người học có hành vi gian lận hoặc sử dụng dụng cụ hỗ trợ trái phép trong khi thi hoặc giúp đỡ, tiếp tay cho việc gian lận thì cán bộ coi thi sẽ lập biên bản và xem xét, quyết định để người học có hành vi gian lận được tiếp tục làm bài thi hoặc dừng việc thi. Trường hợp phải dừng thi thì bài thi đó của người học được đánh giá 0 điểm.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, sẽ quy định cụ thể trong Quy định về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun do Trường ban hành.

Chương IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 25. Tính điểm môn học, mô-đun điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Điểm môn học, mô-đun

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun được tính theo thang điểm 4.

2. ĐTBCHK/năm học/khóa học và ĐTBCTL

a) Công thức tính ĐTBCHK/năm học/khóa học và ĐTBCTL:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i . n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: là ĐTBCHK/năm học/khóa học hoặc ĐTBCTL;

+ i: là số thứ tự môn học, mô-đun;

+ a_i : là điểm của môn học, mô-đun thứ i;

+ n_i : là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;

+ n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy.

b) ĐTBCTL là điểm trung bình của các môn học, mô-đun mà người học đã tích lũy được tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét khi kết thúc mỗi học kỳ;

c) ĐTBCHK/năm học/khóa học, ĐTBCTL bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, miễn trừ; không bao gồm điểm môn học điều kiện;

d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô-đun đó trong thời gian được tạm hoãn.

3. ĐTBCHK, năm học, ĐTBCTL để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô-đun có điểm cao nhất.

4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các

môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng là hai môn học điều kiện. Kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào ĐTBCHK, năm học, ĐTBCTL, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện bảo vệ chuyên đề/khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Điều 26. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và ĐTBCHK, ĐTBCTL

1. Quy đổi điểm môn học, mô-đun thành điểm chữ

a) Điểm môn học, mô-đun tính theo khoản 1 Điều 25 của Quy định này theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

ĐTKMH (theo thang điểm 10)	8,5÷ 10	8,0÷ 8,4	7,0÷ 7,9	6,5÷ 6,9	5,5÷ 6,4	5,0÷ 5,4	4,0÷ 4,9	0,0÷ 3,9
ĐTKMH (theo thang điểm chữ)	A	B+	B	C+	C	D+	D	F

- Điểm đạt: A, B+, B, C+, C, D+, D;

- Điểm không đạt: F

b) Đối với những môn học, mô-đun chưa đủ cơ sở để tính điểm khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ điểm thành phần để đánh giá do được phép hoãn kiểm tra, thi;

X: Chưa nhận được kết quả kiểm tra, thi;

R: Đối với môn học, mô-đun được miễn hoặc được phép chuyển điểm kèm theo kết quả.

c) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những quy định đã nêu ở điểm a khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi kiểm tra, thi quy định tại Điều 24; tự ý bỏ học theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy định này;

d) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp: Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được Trường cho phép; người học không tham dự đủ bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc thi hết môn học, mô-đun vì những lý do khách quan, được Trường chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, người học có mức điểm I phải hoàn thành xong các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ còn nợ để được chuyển điểm;

đ) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học, mô-đun mà phòng QLĐT chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ khoa/trung tâm và phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng chuyển lên;

e) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp: Điểm môn học, mô-đun được đánh giá ở các mức điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có)

đối với một số môn học, mô-đun được phép thi sớm để giúp người học học vượt. Những môn học, mô-đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc công nhận giữa các chương trình.

2. ĐTBCHK, ĐTBCTL, mức điểm chữ của môn học, mô-đun được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số theo thang điểm 4 như sau:

Thang điểm 10	8,5÷ 10	8,0÷ 8,4	7,0÷ 7,9	6,5÷ 6,9	5,5÷ 6,4	5,0÷ 5,4	4,0÷ 4,9	0,0÷ 3,9
Thang điểm chữ	A	B+	B	C+	C	D+	D	F
Thang điểm 4	4,0	3,5	3,0	2,5	2,0	1,5	1,0	0,0

3. ĐTBCHK, ĐTBCTL được tính theo khoản 2 Điều 25 của Quy định này.

Điều 27. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng tích lũy người học được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Số tín chỉ tích lũy	< 40	40 ÷ 75	76 <
Trình độ	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba

Số tín chỉ tích lũy: Là tổng số tín chỉ của các môn học, mô-đun đã đạt từ đầu khóa học kể cả các môn học, mô-đun được miễn, được chuyển điểm.

2. Xếp loại kết quả học tập

a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4 như sau:

ĐTBCTL	3,50 ÷ 4,00	3,00 ÷ 3,49	2,50 ÷ 2,99	2,00 ÷ 2,49	Dưới 2,00
Xếp loại	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu

b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị Trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ xếp loại kết quả học tập (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 của Quy định này);
- Có một môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại người học về học lực.

Điều 28. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và có kế hoạch học tập thích hợp để cải thiện kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được thực hiện khi:

a) Tổng số tín chỉ của môn học, mô-đun không đạt trong học kỳ vượt quá 50% tổng số tín chỉ học tập đã đăng ký đầu kỳ;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,20 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,50 đối với học kỳ tiếp theo;

2. Sau mỗi học kỳ, người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Bị cảnh báo kết quả học tập lần thứ 3;

b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị Trường cho thôi học:

a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được Hiệu trưởng chấp thuận.

4. Thủ tục, quyền lợi, trách nhiệm của người học bị buộc thôi học và tự thôi học.

a) Người học không có nguyện vọng tiếp tục học, làm đơn xin thôi học gửi về phòng QLĐT, Nhà trường sẽ làm thủ tục thôi học cho người học;

b) Người học có quyết định bị buộc thôi học, nếu có nguyện vọng học ở hệ thấp hơn cùng ngành/ngành đào tạo (nếu có) thì viết đơn gửi về phòng QLĐT:

Điểm bảo lưu: Các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo mà người học đã thi đạt sẽ được công nhận, bảo lưu, chuyển điểm theo bảng điểm, kết quả học tập sang chương trình đào tạo của trình độ, lớp mà người học được chuyển.

c) Người học có quyết định bị buộc thôi học, nếu không có nguyện vọng học ở hệ thấp hơn; người học có quyết định do tự thôi học. Người học làm thủ tục rút hồ sơ tại Trường.

Chương V

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 29. Làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá hoặc người học đã đủ điều kiện được nhận đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp. Người học được đăng ký làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số môn học chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho người học đạt mức yêu cầu do từng khoa/trung tâm chuyên môn đề nghị. Đồ án tốt nghiệp hoặc khoá

luận tốt nghiệp được xem là môn học, mô-đun có khối lượng không quá 5 tín chỉ và được quy định trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

b) Học và thi một số môn học, mô-đun chuyên môn: Người học không được giao làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số môn học, mô-đun chuyên môn nếu chưa học đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

a) Các điều kiện để người học được đăng ký làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp;

c) Hình thức bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của nhà giáo hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa/trung tâm chuyên môn đối với người học trong thời gian làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Điều 30. Bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Danh sách cho người học được bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp của người học nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp của người học giao cho hội đồng bảo vệ chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.

2. Hiệu trưởng quyết định danh sách nhà giáo tham gia hội đồng bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp do các khoa/trung tâm chuyên môn đề nghị, phòng QLĐT tổng hợp.

3. Điểm của đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp được bảo vệ theo thang điểm 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này. Kết quả bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp được công bố ngay sau buổi bảo vệ.

4. Trường hợp người học bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp lần đầu chưa đạt yêu cầu, người học được bảo vệ lại hai lần, số lần bảo vệ lại giữa các đợt cách nhau ít nhất 07 ngày làm việc. Điểm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung của toàn khoá học.

Điều 31. Điều kiện tốt nghiệp

1. Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ xét tốt nghiệp cho người học.

2. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

c) Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của Chương trình đào tạo (nếu có);

d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Có đơn gửi Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

3. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Nhà trường phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Nhà trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 32. Xếp loại tốt nghiệp

1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:

ĐTBCTL	3,50 ÷ 4,00	3,00 ÷ 3,49	2,50 ÷ 2,99	2,00 ÷ 2,49
Xếp loại tốt nghiệp	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình

2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ);

b) Có số tín chỉ phải học lại quá 10% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;

c) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại Trường (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 của Quy định này):

Điều 33. Bằng tốt nghiệp, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập

1. Người học được công nhận tốt nghiệp thì được Hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp. Mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được quy định tại Quyết định số 558/QĐ-CDXD1 ngày 06 tháng 12 năm 2021 quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1.

2. Bằng điểm từng môn học, mô-đun của toàn khóa học được cấp cho người học kèm theo bằng tốt nghiệp trong đó ghi rõ tên ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo, kết quả và tên môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm chuyên đề, đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp; điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp nếu có.

3. Người học chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do chưa được công nhận tốt nghiệp.

4. Nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp.

5. Người học tốt nghiệp cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Kiến trúc và xây dựng được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành; các ngành, nghề đào tạo còn lại của Nhà trường được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.

Chương VI

QUẢN LÝ HỒ SƠ, SỔ SÁCH ĐÀO TẠO

Điều 34. Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo

1. Phòng Đào tạo và Công tác học sinh chịu trách nhiệm lập hồ sơ đào tạo theo quy định tại Quyết định số 32/QĐ-CDXD1 ngày 14 tháng 01 năm 2019; thực hiện bảo quản, lưu trữ, sử dụng hồ sơ, sổ sách đào tạo theo quy định của pháp luật và Quy định này. Trường hợp trường giải thể thì phải bàn giao hồ sơ cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Hồ sơ lưu vĩnh viễn

a) Văn bản phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo; hồ sơ ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định về tổ chức, quản lý đào tạo;

b) Văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, danh sách lớp;

c) Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của người học theo học kỳ, năm học, khóa học;

d) Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp đối với đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ gồm: Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp, biên bản họp xét tốt nghiệp, bảng điểm tổng kết toàn khóa học;

đ) Quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học;

e) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học;

g) Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học;

h) Hồ sơ liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài.

3. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun gồm: Kế hoạch thi và lịch thi; danh sách người dự thi và kết quả từng môn thi; phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học và

cán bộ coi thi; bản ghi âm, ghi hình buổi thi đối với hình thức thi trực tuyến;

b) Bảng điểm của người học gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; điểm thi kết thúc môn học, mô-đun; bản in kết quả thi, kiểm tra đối với hình thức thi, kiểm tra trực tuyến hoặc bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính có chữ ký của nhà giáo giảng dạy và cán bộ quản lý chuyên môn.

4. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Hồ sơ phúc khảo bài thi kết thúc môn học, mô-đun;

b) Sổ lên lớp của từng lớp học.

5. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Đề thi đã sử dụng, bài thi, phiếu chấm bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp.

b) Thời khóa biểu và phân công nhà giáo giảng dạy.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Xây dựng số 1 có thể điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ, viên chức, nhà giáo và người học để thực hiện thống nhất trong toàn Trường./.